



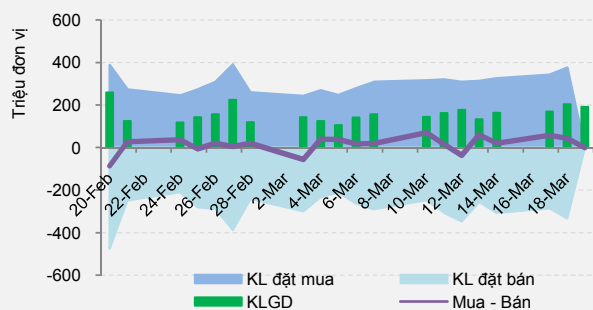
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 19/3/2014

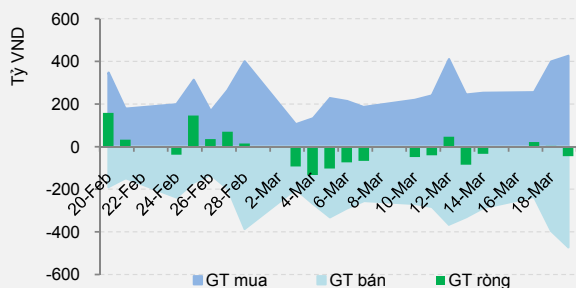
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	605.6	89.7
% Thay đổi	↑ 1.0%	↑ 2.4%
KLGD (CP)	192,008,350	129,271,596
GTGD (tỷ đồng)	3,217.65	1,408.32
Tổng cung (CP)	-	164,146,900
Tổng cầu (CP)	-	187,167,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	13,125,090	8,194,075
KL mua (CP)	9,130,550	1,538,300
GTmua (tỷ đồng)	426.51	26.54
GT bán (tỷ đồng)	471.26	100.60
GT ròng (tỷ đồng)	(44.75)	(74.06)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 1.21%	10.0	2.4	2.1%
Công nghiệp	↑ 1.59%	363.7	1.4	19.6%
Dầu khí	↑ 1.98%	8.9	1.9	3.7%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 1.37%	15.3	2.2	1.6%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.27%	11.4	3.4	0.4%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.16%	14.2	5.3	10.9%
Ngân hàng	↑ 2.63%	14.4	1.3	14.6%
Nguyên vật liệu	↑ 1.63%	11.9	2.2	9.7%
Tài chính	↑ 1.11%	16.8	2.5	34.2%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 0.56%	11.7	4.2	3.3%
VN - Index	↑ 0.96%	14.8	3.2	69.6%
HNX - Index	↑ 2.37%	22.0	1.7	30.4%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	3,022,660	1.5%	6,044,580	2.9%
GTGD (tỷ VND)	149,233	3.9%	98,082	2.6%

SỬA ĐỔI THÔNG TƯ 02 - THỊ TRƯỜNG TĂNG MẠNH - DÒNG TIỀN TẬP TRUNG VÀO CÁC MÃ ĐẦU TƯ NGƯỢC ETF - TÂM ĐIỂM CỔ PHIẾU SHB

Nhận định: Chỉ số VN-Index tăng điểm trở lại lên trên ngưỡng cản 600 điểm, phản ứng tích cực với quyết định sửa đổi TT02 của NHNN. Chỉ số HNX-Index cũng tiếp phiên tăng điểm với độ rộng thị trường tốt. Đà tăng khởi đầu từ nhóm cổ phiếu Ngân hàng, lan dần sang thị trường chung. Dòng tiền có xu hướng đầu tư ngược quỹ ETF, tập trung vào nhóm cổ phiếu quỹ này bán ra, đặc biệt là SHB, PVS, HPG, OGC. Nhóm cổ phiếu nhỏ thị giá thấp mang tính đầu cơ, cổ phiếu chứng khoán tiếp tục thu hút dòng tiền.

Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng của thị trường, khi 1/ dòng tiền tham gia thị trường tích cực; 2/ động thái giao dịch của quỹ ETF dự kiến không tác động nhiều đến thị trường chung và chỉ mang tính ngắn hạn. Theo PTKT trên đồ thị tuần, mục tiêu hướng tới của VN-Index là vùng +/-630 điểm. Đối với HNX-Index, mục tiêu tiếp theo là vùng +/- 92 điểm, mục tiêu xa hơn là khoảng +/-100 điểm.

Tuy nhiên với thực tế thị trường đang tăng khá nóng, việc mua đuổi cổ phiếu cho mục đích đầu tư ngắn hạn ở thời điểm hiện tại tiềm ẩn rủi ro. Nhà đầu tư nên DUY TRÌ TRẠNG THÁI DANH MỤC, nhằm chủ động với diễn biến thị trường tại ngưỡng cản kỹ thuật.

- Chỉ số VN-Index tăng 5.74 điểm (0.96%), lên 605.59 điểm, sát mức cao nhất trong phiên. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 600.42 điểm.

- Chỉ số HNX-Index tăng mạnh 2.08 điểm (2.38%), lên 89.68 điểm, sát mức cao nhất trong phiên. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 87.21 điểm.

- Ngày 18/3, NHNN đã ban hành Thông tư 09 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02 quy định về việc phân loại tài sản có, trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các TCTD. Theo đó, điểm đáng chú ý là TCTD được thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đến ngày 1/4/2015. Hệ thống Ngân hàng phải thực hiện chặt chẽ hơn trong việc cơ cấu lại khoản nợ, nhằm tăng chất lượng tín dụng và an toàn hệ thống Ngân hàng. Cụ thể, việc cơ cấu lại nợ chỉ được thực hiện 1 lần, TCTD thường xuyên rà soát đánh giá lại khoản nợ, định kỳ báo cáo với cơ quan giám sát. Việc điều chỉnh kết quả phân loại nợ theo kết quả phân loại nợ của Trung tâm Thông tin tín dụng (CIC) cũng sẽ được gia hạn đến ngày 31/12/2014. Trong thời gian chưa áp dụng, các TCTD vẫn phải tự phân loại nợ và gửi kết quả cho CIC để tổng hợp và giám sát.

- Thông tin trên tác động tích cực đến hệ thống Ngân hàng, khi các Ngân hàng còn thời hạn 1 năm trước khi phải hạch toán đúng về khoản nợ, cũng như doanh nghiệp còn 1 năm được hưởng ưu đãi về vốn vay, hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh, cân đối lại dòng tài chính. Theo NHNN, tổng lượng vốn thực hiện cơ cấu lại theo Quyết định 780 lên tới gần 300 nghìn tỷ đồng.

- Trả lời phỏng vấn của Bloomberg, Thống đốc NHNN cho biết NHNN và Bộ Tư pháp đang nhanh chóng hoàn thiện các quy định pháp lý về việc bán đấu giá nợ xấu và tài sản đảm bảo của các ngân hàng. NHNN cũng đang đẩy mạnh nỗ lực tạo điều kiện hơn nữa cho các nhà đầu tư nước ngoài tham gia xử lý nợ xấu.

VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số VN-Index tăng 5.74 điểm (0.96%), lên 605.59 điểm, sát mức cao nhất trong phiên. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 600.42 điểm.

- KLGD giảm nhẹ 2% so với phiên giao dịch trước, xuống 188 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 74 điểm, ở ngưỡng quá mua. MACD 9 ngày nói nhẹ khoảng cách so với đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng tăng giá.

Nhận định: Thị trường tăng điểm trở lại lên trên ngưỡng cản 600 điểm, phản ứng tích cực với quyết định sửa đổi TT02 của NHNN. Đa tăng khởi đầu từ nhóm cổ phiếu Ngân hàng, lan dần sang thị trường chung. Dòng tiền có xu hướng đầu tư ngược quỹ ETF, tập trung vào nhóm cổ phiếu quỹ này bán ra. Nhóm cổ phiếu nhỏ thị giá thấp mang tính đầu cơ, cổ phiếu chứng khoán tiếp tục thu hút dòng tiền.

Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng của thị trường, khi 1/ dòng tiền tham gia thị trường tích cực; 2/ động thái giao dịch của quỹ ETF dự kiến không tác động nhiều đến thị trường và chỉ mang tính ngắn hạn. Theo PTKT trên đồ thị tuần của VN-Index, khi VN-Index bứt phá qua ngưỡng cản 600 điểm, mục tiêu hướng tới của VN-Index là vùng +/-630 điểm.

Tuy nhiên với thực tế thị trường đang tăng khá nóng, việc mua đuổi cổ phiếu cho mục đích đầu tư ngắn hạn ở thời điểm hiện tại tiềm ẩn rủi ro. Nhà đầu tư nên DUY TRÌ TRẠNG THÁI DANH MỤC, nhằm chủ động với diễn biến thị trường tại ngưỡng cản kỹ thuật.

HNX-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số HNX-Index tăng mạnh 2.08 điểm (2.38%), lên 89.68 điểm, sát mức cao nhất trong phiên. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 87.21 điểm.

- KLGD giảm nhẹ 2% so với phiên trước, xuống 128 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tiếp tục tăng lên mức 82 điểm, tâm lý thị trường tích cực. MACD 9 ngày nói rộng khoảng cách phía trên đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng tăng giá.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tiếp phiên tăng điểm mạnh với thanh khoản duy trì ở mức cao. Dòng tiền có xu hướng đầu tư ngược quỹ ETF, tập trung vào nhóm cổ phiếu quỹ này bán ra, đặc biệt là SHB, PVS. Nhóm cổ phiếu nhỏ thị giá thấp mang tính đầu cơ, cổ phiếu chứng khoán tiếp tục thu hút dòng tiền.

Các chỉ báo kỹ thuật tiếp tục cho tín hiệu tích cực về động lực thị trường. Theo PTKT, khi HNX-Index bứt phá qua ngưỡng cản 85 điểm, mục tiêu tiếp theo của HNX-Index là vùng +/- 92 điểm. Mục tiêu xa hơn là khoảng +/-100 điểm.

Động thái giao dịch của quỹ ETF dự báo không tác động nhiều đến thị trường, khi giá trị mua/bán khá cân đối, và lực cầu chờ mua cổ phiếu quỹ ETF bán ra tại mức giá hấp dẫn không nhỏ. Tuy nhiên với thực tế thị trường đang tăng khá nóng, việc mua đuổi cổ phiếu cho mục đích đầu tư ngắn hạn ở thời điểm hiện tại tiềm ẩn rủi ro. Nhà đầu tư nên DUY TRÌ TRẠNG THÁI DANH MỤC, nhằm chủ động với diễn biến thị trường tại ngưỡng cản kỹ thuật.

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q4.2013 SO VỚI CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	SD7	HNX	343.78	236.0%	4.7	47100.0%	760.25	-5.1%	7.97	142.4%	17.1%	2.87
2	PXL	HOSE	2.8	-65.0%	10.01	19920.0%	24.57	-69.3%	-5.45	-2968.4%	-51.2%	0.20
3	ASP	HOSE	569.88	10.7%	10.93	10830.0%	1970.76	-1.1%	20.2	-19.8%	72.1%	13.11
4	PXI	HOSE	256.85	28.2%	17.97	5515.6%	683.2	-19.3%	15.03	78.5%	38.5%	3.08
5	KTB	HOSE	16.14	-11.9%	1.68	5500.0%	50.16	-35.9%	1.75	-95.7%	5.8%	2.56
6	FDC	HOSE	194.57	627.4%	240.48	2999.0%	244.3	55.9%	254.58	752.0%	636.5%	0.16
7	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.50
8	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	18.91
9	ITA	HOSE	-36.58	-117.6%	31.7	2319.8%	-15.13	-141.7%	45.11	36.8%	57.8%	15.73
10	VTO	HOSE	362.62	-12.3%	20.37	2163.3%	1564.15	-4.7%	43.81	-11.1%	605.9%	2.19

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN 2013 SO 2012

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	DHC	HOSE	135.56	26.0%	9.35	91.6%	454.35	33.3%	27.05	1165.0%	158.7%	1.12
2	APG	HNX	4.67	183.0%	2.87	171.4%	11.83	54.6%	4.81	1073.2%	74.0%	0.04
3	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.50
4	CMI	HNX	29.66	446.2%	12.3	261.4%	52.88	63.8%	13.09	869.6%	55.7%	0.05
5	FDC	HOSE	194.57	627.4%	240.48	2999.0%	244.3	55.9%	254.58	752.0%	636.5%	0.16
6	TCM	HOSE	645.39	25.1%	28.88	247.3%	2554.42	11.9%	123.52	712.7%	136.7%	49.00
7	SCL	HNX	93.23	857.2%	22.19	382.3%	213.26	217.7%	37.57	547.8%	225.6%	-
8	KLS	HNX	40.5	-12.9%	40.73	-35.5%	167.65	-30.6%	138.34	541.4%	34.2%	6.22
9	VCG	HNX	2921.87	-41.1%	421.53	671.2%	11345.11	-10.4%	544.75	523.4%	152.1%	5.15
10	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	18.91

TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 2013 CAO NHẤT

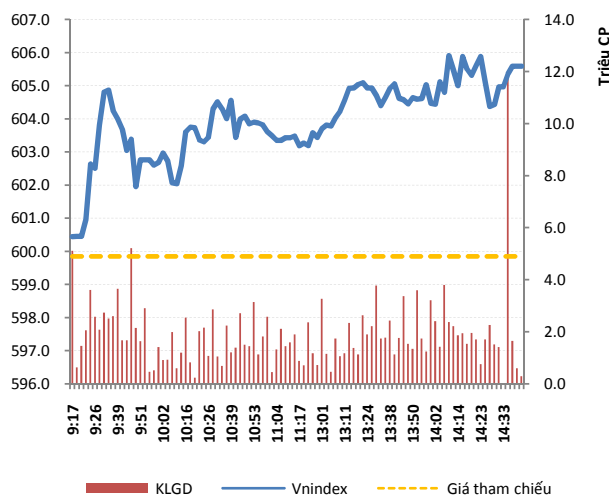
STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	GAS	HOSE	16575.8	9.5%	2194.68	-12.2%	65445.03	-4.2%	12384.66	26.3%	161.0%	2.51
2	VIC	HOSE	6776.78	138.9%	799.95	264.9%	18377.3	132.5%	6756.01	330.0%	90.1%	12.99
3	VNM	HOSE	8174.03	15.9%	1470.04	-10.8%	30948.6	16.5%	6534.13	12.3%	104.9%	49.00
4	DPM	HOSE	2361.45	-17.4%	258.71	-50.6%	10363.42	-22.2%	2216.92	-26.5%	115.8%	29.86
5	HPG	HOSE	6460.28	52.5%	489.6	179.5%	18934.29	12.5%	1954.22	96.6%	162.9%	45.57
6	PVD	HOSE	4467.94	26.4%	485.28	126.8%	14863.25	24.6%	1877.89	29.7%	138.1%	40.65
7	PPC	HOSE	1736.95	40.4%	232.13	-57.2%	6582.56	59.4%	1631.51	223.2%	486.4%	12.57
8	FPT	HOSE	11283.43	12.6%	474.01	5.6%	41231.63	67.6%	1607.71	4.4%	81.0%	49.00
9	PVS	HNX	6096.13	-4.6%	491.81	142.3%	25385.83	3.2%	1516.21	35.6%	191.9%	25.65
10	BVH	HOSE	2040.45	-6.7%	291.11	-1.7%	8377.68	-0.4%	1095.85	-18.7%	99.4%	24.40
11	REE	HOSE	729.9	10.6%	136.84	-22.6%	2413.4	0.7%	975.79	48.6%	150.1%	48.94
12	HAG	HOSE	755.13	-56.4%	295.65	368.9%	2769.41	-37.0%	901.81	157.7%	108.6%	34.19

Ghi chú: Chỉ lọc những mã cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên > 50.000. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 18/03/2014

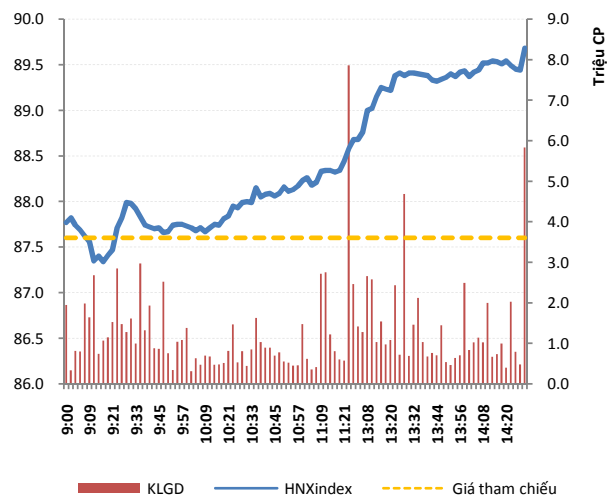


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

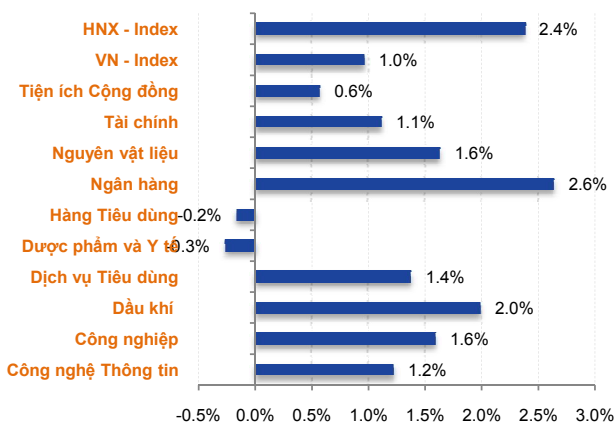
KLGD và VN-Index trong phiên



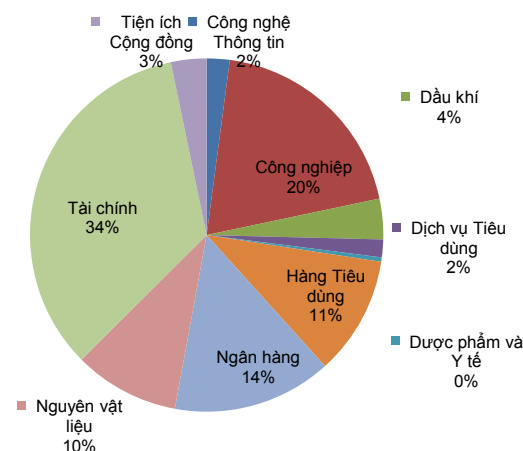
KLGD và HNX-Index trong phiên



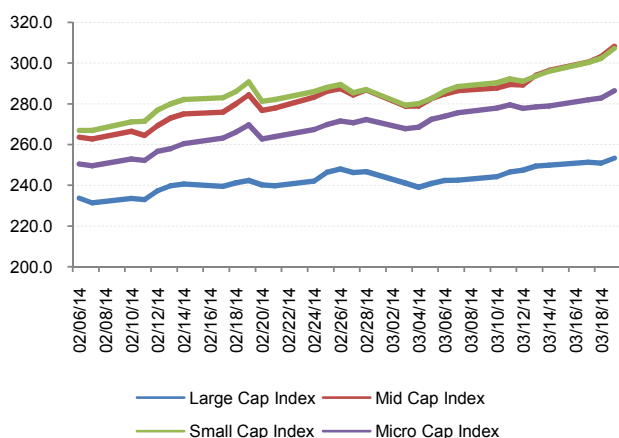
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



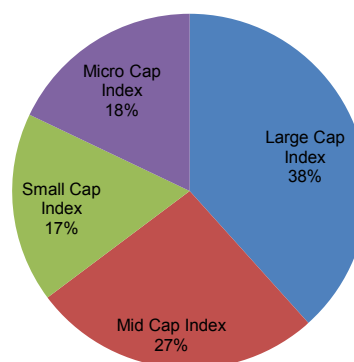
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
 Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HAG	867,280	ITA	2,103,000
2	MSN	813,360	HPG	1,202,690
3	ITC	364,000	OGC	763,000
4	PVT	347,290	STB	536,970
5	LCG	291,900	BMI	365,160

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VCG	486,600	SHB	6,305,000
2	IVS	100,000	PVX	599,800
3	KHB	75,000	PVS	254,900
4	TIG	54,100	VND	187,800
5	KLS	31,600	PGS	140,400

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	8.9	9.5	↑ 6.74%	18,592,600
FLC	13.5	13.7	↑ 1.48%	9,602,680
HQC	9.0	9.1	↑ 1.11%	7,906,990
MBB	15.3	16.0	↑ 4.58%	7,541,750
BID	16.8	17.4	↑ 3.57%	5,624,790

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	10.1	11.1	↑ 9.90%	31,411,073
PVX	6.8	6.7	↓ -1.47%	14,896,173
KLS	13.9	14.3	↑ 2.88%	7,455,300
SCR	10.0	10.4	↑ 4.00%	6,662,974
SHN	5.7	6.2	↑ 8.77%	4,967,700

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VIP	14.3	15.3	1.0	↑ 6.99%
MCG	8.6	9.2	0.6	↑ 6.98%
SRF	21.0	22.5	1.5	↑ 6.89%
VTO	8.7	9.3	0.6	↑ 6.90%
NTL	17.5	18.7	1.2	↑ 6.86%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SJ1	19.0	22.5	3.5	↑ 18.42%
CVN	4.0	4.4	0.4	↑ 10.00%
DNP	21.0	23.1	2.1	↑ 10.00%
QHD	13.0	14.3	1.3	↑ 10.00%
PPE	4.0	4.4	0.4	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SGT	4.3	4.0	-0.3	↓ -6.98%
SPM	24.6	23.2	-1.4	↓ -5.69%
TLG	46.0	43.5	-2.5	↓ -5.43%
SII	19.5	18.6	-0.9	↓ -4.62%
AGM	15.9	15.3	-0.6	↓ -3.77%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
MKV	15.0	13.5	-1.5	↓ -10.00%
CKV	12.1	10.9	-1.2	↓ -9.92%
CMI	22.5	20.3	-2.2	↓ -9.78%
HLV	17.6	15.9	-1.7	↓ -9.66%
HCT	12.6	11.4	-1.2	↓ -9.52%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	18,592,600	0.7%	73	130.0	0.9
FLC	9,602,680	7.9%	663	20.7	1.7
HQC	7,906,990	3.5%	376	24.2	0.9
MBB	7,541,750	16.2%	2,120	7.5	1.2
BID	5,624,790	13.8%	1,553	11.2	1.5

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	31,411,073	7.6%	854	13.0	1.0
PVX	14,896,173	-115.4%	(5,275)	-	3.3
KLS	7,455,300	5.5%	716	20.0	1.1
SCR	6,662,974	0.4%	53	196.2	0.7
SHN	4,967,700	1.9%	52	119.3	2.2

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VIP	↑ 7.0%	15.6%	2,448	6.2	0.9
MCG	↑ 7.0%	-27.8%	(3,303)	(2.8)	0.9
SRF	↑ 6.9%	11.6%	2,452	9.2	1.0
VTO	↑ 6.9%	4.2%	556	16.7	0.7
NTL	↑ 6.9%	10.6%	1,506	12.4	1.3

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SJ1	↑ 18.4%	8.3%	2,110	13.0	1.0
CVN	↑ 10.0%	-44.0%	(4,373)	(1.0)	0.6
DNP	↑ 10.0%	10.1%	2,612	8.8	0.8
QHD	↑ 10.0%	16.9%	2,136	6.7	1.1
PPE	↑ 10.0%	0.6%	51	86.1	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HAG	867,280	8.0%	1,372	20.7	1.6
MSN	813,360	3.0%	611	176.7	5.3
ITC	364,000	-17.9%	(4,242)	-	0.5
PVT	347,290	8.7%	1,012	16.8	1.4
LCG	291,900	-26.3%	(4,514)	-	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VCG	486,600	10.0%	1,233	13.9	1.3
IVS	100,000	0.7%	72	145.2	1.0
KHB	75,000	-3.5%	(532)	-	0.3
TIG	54,100	4.8%	486	18.5	0.9
KLS	31,600	5.5%	716	20.0	1.1

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	161,075	40.8%	6,535	13.0	4.8
VNM	121,686	39.6%	7,839	18.6	6.9
MSN	79,370	3.0%	611	176.7	5.3
VCB	71,608	10.3%	1,878	16.5	1.7
VIC	70,429	47.7%	7,379	10.5	4.0

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	16,127	6.6%	886	19.7	1.3
PVS	13,446	21.0%	3,568	8.4	1.6
SHB	9,836	7.6%	854	13.0	1.0
SQC	8,602	-1.5%	(188)	-	6.4
VCG	7,597	10.0%	1,233	13.9	1.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HVX	3.06	-7.7%	(703)	-	1.1
DRH	2.64	0.6%	62	77.3	0.5
CMT	2.54	7.0%	1,076	9.9	0.7
MHC	2.44	14.9%	1,154	8.1	1.1
CIG	2.33	1.3%	128	36.7	0.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	3.47	-6.2%	(628)	-	0.6
HPC	3.46	5.5%	385	18.7	1.0
PVA	3.13	-31.1%	(1,297)	-	1.5
VDS	2.98	0.7%	44	134.3	0.9
S12	2.95	0.9%	115	93.6	0.8



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)